TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** ----------
Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST. Ngày 10/9/2018 ----------	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà NguyễnT Hằng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hãn; Ông Nguyễn Thế Sách

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa, Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viểm kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Võ mở phiên toà C khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 220/2018/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2018 về Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1979 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn C, xã Đào V, huyện Quế V, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử chị Hoàng Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh C năm 2001 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ổn định đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C đi vào miền Nam làm ăn, năm 2006 chị sinh con do không có ai hỗ trợ nên chị phải đưa con về nhà đẻ ở còn anh C mãi đến 2016 mới về với vợ con. Trong suốt thời gian đi miền Nam làm ăn anh C không hề có trách nhiệm gì với vợ con, thỉnh thoảng anh C có về quê nhưng không hề đến thăm vợ con. Năm 2016 anh C về chung sống với vợ con nhưng vợ chồng không hề có tình cảm vì anh C suốt ngày rượu chè, đánh chửi vợ con, đập phá đồ đạc. Chị và mọi người khuyên bảo nhiều nhưng anh C không nghe. Cách đây khoảng một tuần, anh C vẫn tiếp tục đánh và xé rách áo của chị khiến mọi người phải can thiệp. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị không thể cam chịu chung sống cùng anh C nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn;

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Đức Phương, sinh ngày 17/02/2005. Vợ chồng ly hôn chị xin nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết; Hiện tại chị làm nghề may tại nhà mức thu nhập từ 05 đến 08 triệu/tháng; Chị đảm bảo đủ điều kiện nuôi con tốt;

Phía anh C có lời khai trình bày: Anh xác định việc chịT trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn của hai vợ chồng là đúng sự thật. Quá trình vợ chồng chung sống

chỉ hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh đi miền Nam làm ăn. Thực sự lý do anh phải đi miền Nam là do làm ăn kinh tế bị phá sản, nợ nần nhiều nên anh phải vào Nam làm ăn tránh người ta đến đòi nợ vì khi đó chịT đang có thai. Anh đi Nam được khoảng 8-9 năm thì về và hai vợ chồng ở nhờ nhà chịT rồi sau đó vợ chồng mua đất ở riêng. Hiện tại vợ chồng anh chị vẫn ở chung và cuộc sống bình thường. Thỉnh thoảng anh có uống rượu không làm chủ được bản thân nên mới chửi vợ con còn nếu không uống rượu thì anh lại bình thường. Việc chịT làm đơn ly hôn anh không đồng ý. Theo anh nhận thấy thì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Anh đề nghị Tòa án hòa giải còn nếu chịT cương quyết thì Tòa án cứ xử theo pháp luật;

Về con chung: Anh chị có 01 con như chịT khai. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng. Anh hiện tại có xưởng cơ điện lạnh tại nhà. Thu nhập bình quân một tháng khoảng 07 triệu đồng. Anh đủ điều kiện để nuôi con tốt;

Tài sản chung, C nợ anh không yêu cầu tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa chịT vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn của mình. Chị đề nghị Tòa án xem xét việc anh C xin nuôi con về thực tế anh C không đảm bảo việc nuôi con tốt được. Anh C đúng là có xưởng điện lạnh tại nhà nhưng anh C nghiện rượu nặng, 10 ngày thì 8 ngày say, trước đây chị đã mua thuốc cai rượu rồi mọi người động viên khuyên can rất nhiều nhưng anh C vẫn không cai được mà đến nay thường xuyên say xỉn. Nếu để anh C nuôi con thì con sẽ không được nuôi dưỡng chăm sóc tốt. Chị không đồng ý việc anh C xin nuôi con.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh C quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật;

Đề nghị về nội dung vụ án: Đại diện VKS nhân dân huyện Quế Võ đề nghị HĐXX áp dụng các điều 56, 58, 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội xử: ChịT được ly hôn với anh C;

Về con chung: Đề nghị giao con Nguyễn Đức Phương, sinh ngày 27/5/2005 cho chịT nuôi dưỡng, chăm sóc;

Việc cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, C nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập xử lý.

Về án phí: ChịT phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Hoàng Thị T và anhNguyễn Đức C kết hôn với nhau năm 2001 đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định cuả pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống ổn định đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do việc làm ăn kinh tế phá sản, anh C nợ nần nhiều nên phải bỏ vào Nam làm ăn không chăm lo được cho vợ con; Mọi mâu thuẫn phát sinh căng thẳng nhất từ năm 2016 khi anh C về chung sống với vợ con lại hay say rượu không làm chủ được mình mà luôn chửi mắng vợ con. ChịT khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn vì chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và chung sống không có hạnh phúc; Anh C xác định việc chịT trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng, anh có uống rượu và chửi mắng vợ con nhưng anh cho rằng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đến mức phải ly hôn. Anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chịT và anh C là có thực. Anh C không muốn vợ chồng ly hôn nhưng không thay đổi tính cách và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chịT, xử cho chị được ly hôn với anh C là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Đức Phương, sinh ngày 17/02/2005;

ChịT và anh C đều có nguyện vọng được nuôi con; Xét thấy về thu nhập anh chị đều có việc làm và thu nhập tương đương nhau. Tuy nhiên, cháu Phương từ nhỏ luôn do chịT chăm sóc, nuôi dưỡng, bản thân anh C hay uống rượu và không làm chủ được bản thân khi uống rượu nên nếu giao cháu Phương cho anh C nuôi sẽ làm ảnh hưởng không tốt đến nhận thức và sự phát triển của cháu. Mặt khác, cháu Phương cũng có lời khai xin thể hiện nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ nên xét thấy cần giao cháu Phương cho chịT tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp;

Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Tài sản chung, C nợ: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Anh C không trực tiếp tuôi con nên được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Về án phí: ChịT phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 227, 228, 239, 243, 247, 248, 249, 254, 264 Bộ luật tố tụng dân sự ; Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Hoàng Thị T ly hôn anhNguyễn Đức C.

Về con chung: Giao con Nguyễn Đức Phương, sinh ngày 27/02/2005 cho chịT chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Anh C được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở;

Tài sản chung, C nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: ChịT phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chịT đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0002674 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh);

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận kết quả bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết;

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Quế Võ;*
- *THADS huyện Quế Võ;*
- *UBND xã Cách Bi.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa